TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 14/6/2019.
V/v: "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Trúc**.
Các Hội thẩm nhân dân :
1. Ông **Nguyễn Văn Thử.**
2. Ông **Lâm Ngọc Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Trung**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Võ Văn Thuận**, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2019/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Trường S**, sinh năm 1987 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.
(Khu N, huyện Q, tỉnh Kiên Giang).

- Bị đơn: Chị **Sơn Thị C**, sinh năm 1991 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

*Trong đơn khởi kiện ngày 11/02/2019, cũng như quá trình thụ lý giải quyết nguyên đơn anh **Nguyễn Trường S** trình bày:*

Anh S và chị C tự nguyện kết hôn, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/12/2012; anh S và chị C có 02 con chung tên Nguyễn Thị C, sinh ngày 16/9/2013, Nguyễn Thanh H, sinh ngày 29/6/2015 . Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên

không còn sống chung cho đến nay; hiện chị C đang chăm sóc nuôi dưỡng con tên Nguyễn Thị C; anh S đang nuôi con tên Nguyễn Thanh H; tài sản chung, nợ chung không có.

Nay anh S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn; xin được nuôi con chung tên Nguyễn Thanh H, anh đồng ý giao con tên Nguyễn Thị C cho chị C nuôi, anh và chị không phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau; tài sản chung, nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Theo lời trình bày của bị đơn Sơn Thị C trong quá trình giải quyết vụ án:

Chị C thừa nhận lời trình bày của anh S về thời gian đăng ký kết hôn, con chung, về mâu thuẫn là hoàn toàn đúng sự thật. Nay chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị xin được nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Nguyễn Trường S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng, nhưng nguyên đơn S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tung dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Nguyễn Trường S.

Bị đơn Sơn Thị C đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tung dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Xét thấy chị **Sơn Thị C** và anh **Nguyễn Trường S** kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/12/2012, phù hợp theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Thời gian đầu chung sống anh, chị rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên anh, chị không còn chung sống cho đến nay. Trong tại biên bản hòa giải ngày 11/3/2019 anh S và chị C đều thuận tình ly hôn, do đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị C đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Anh, chị có 2 người con chung tên Nguyễn Thị C, sinh ngày 16/9/2013, Nguyễn Thanh H, sinh ngày 29/6/2015, hiện chị C đang chăm sóc nuôi dưỡng con tên Nguyễn Thị C; anh S đang nuôi con tên Nguyễn Thanh H; anh S xin

được nuôi con chung tên Nguyễn Thanh H, anh đồng ý giao con tên Nguyễn Thị C cho chị C nuôi; còn chị C xin nuôi hết 2 con chung.

Xét thấy trong quá trình anh, chị không còn sống chung từ năm 2016 đến nay cháu H được anh S chăm sóc nuôi dưỡng, còn cháu C được chị C chăm sóc nuôi dưỡng, do đó cuộc sống các cháu hiện nay đã được ổn định, nên cần tiếp tục ổn định việc nuôi con cho anh S và chị C như hiện nay, tức là anh S tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Thanh H; chị C tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Thị C theo khoản 1, 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho anh S và chị C theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

Anh S và chi C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên anh S phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tung dân sự.

- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh **Nguyễn Trường S** và chị **Sơn Thị Cươl.**

- Về con chung: Giao cháu tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 29/6/2015 cho anh Nguyễn Trường S nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Giao cháu tên Nguyễn Thị C, sinh ngày 16/9/2013 cho chị Sơn Thị C nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Giành quyền, nghĩa vụ thăm nom con cho anh Svà chị C.

Anh S và chi C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: Anh S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (ba trăm

nghìn) theo biên lai thu tiền số 0006741 ngày 12/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

<u>Nơi nhận</u>:
- *Các đương sự;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *UBND xã A, Q, KG;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trúc